

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HĐ  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 14/8/2023  
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;  
Bà Hà Thị Kim Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-HGND ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Bạch T, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp VR, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp VR, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Bạch T trình bày như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Bạch T và anh Nguyễn Hoàng L tự quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình

thống nhất làm lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau đó anh chị về sinh sống tại ấp VR, xã BS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến thời gian sau này, anh L thường xuyên bạo hành chị, làm gì không vừa mắt là anh L đánh đập, hành hạ chị. Vì nghĩ vợ chồng cũng lớn tuổi, nên chị cố gắng chung sống, nhịn nhục anh L, nhưng ngày anh L càng ngày càng ức hiếp chị, nên chị cảm thấy không sống chung được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị với anh Nguyễn Hoàng L là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh L có sáu người con chung tên Nguyễn Hoàng T1, sinh năm: 1990; Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1991; Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/12/1996; Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 18/02/2008; Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 08/7/2010. Nếu con muốn theo cha hay mẹ do con tự quyết định, nếu con theo người nào thì người đó nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Chị T và anh L tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Về nợ chung*: Chị T xác định quá trình chung sống chị và anh Linh không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày tại bản tự khai ngày 10/7/2023 như sau:**

Anh thống nhất với trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do bất đồng quan điểm sống. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý với nội dung khởi kiện của chị T là yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị T chung sống có sáu con chung như chị T trình bày. Nếu con muốn theo cha hay mẹ do con tự quyết định, nếu con theo người nào thì người đó nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Bạch T yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Hoàng L là vợ chồng. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Hoàng L có nơi cư trú tại ấp VR, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Bạch T, bị đơn anh Nguyễn Hoàng L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Bạch T và anh Nguyễn Hoàng L đều xác nhận rằng anh chị về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo định của pháp luật. Đồng thời, theo xác nhận ngày 31/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, thì chị Nguyễn Bạch T chuyển khẩu từ xã SK về xã BS năm 2006 và từ đó đến nay chưa đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Hoàng L. Vì vậy, có thể khẳng định chị T và anh L trình bày anh chị không có đăng ký kết hôn là đúng sự thật.

Sau thời gian chung sống với nhau, chị T cho rằng anh L thường xuyên bạo hành, đánh đập, hành hạ chị, càng ngày càng ức hiếp chị, nên chị không thể chung sống với anh L được nữa. Còn anh L cho rằng giữa anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn, mà chủ yếu là do anh chị bất đồng về quan điểm sống. Chính vì vậy, khi chị Tuyết yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị T với anh L là vợ chồng, thì được anh L đồng ý.

Xét thấy, thời điểm chị T và anh L thiết lập quan hệ hôn nhân, thì anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX thống nhất tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Bạch T và anh Nguyễn Hoàng L là vợ chồng.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Chị T và anh L có sáu người con chung tên Nguyễn Hoàng T1, sinh năm: 1990; Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1991; Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/12/1996; Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 18/02/2008; Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 08/7/2010. Khi anh chị không còn sống chung, thì con muốn ở với cha hay mẹ do con tự quyết định, nếu con theo người nào thì người đó nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét thấy, Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Hoàng D phát triển bình thường và đủ tuổi trưởng thành, nên HĐXX không xem xét. Đối với Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 01/12/1996, thì còn thời gian không lâu nữa là đủ tuổi trưởng thành; Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 18/02/2008, đang đi biển, nên không ghi nhận được ý kiến; Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 08/7/2010 thì có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu N và cháu C đã đi làm để tự lo cho bản thân, còn cháu Kim C là nữ lại có nguyện vọng ở với mẹ. Nhằm tránh tình trạng chia rẽ anh em, mỗi người ở mỗi nơi, nên cần thiết giao ba cháu N, C, Kim C tiếp tục cho chị Nguyễn Bạch T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung*: Chị T và anh L thống nhất anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh L xác định giữa anh chị không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Bạch T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Bạch T và anh Nguyễn Hoàng L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao ba cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 01/12/1996; Nguyễn Hoàng C, sinh ngày: 18/02/2008; Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 08/7/2010 cho chị Nguyễn Bạch T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Nguyễn Bạch T nuôi con, anh Nguyễn Hoàng L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Bạch T và anh Nguyễn Hoàng L thống nhất anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Bạch T và anh Nguyễn Hoàng L xác định giữa anh chị không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Bạch T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009862 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị T không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- THADS huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

**Lâm Nguyễn Thanh Huy**

